TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02/7/2024
V/v: *"Ly hôn, t/c nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN –TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phong

Các Hội thẩm nhân dân: 1 - Ông Nguyễn Văn Thơm

2 - Ông Nguyễn Viết Mai

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Huy - Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn, tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, Tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc *"Ly hôn, t/c nuôi con khi ly hôn"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXX-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H – Sinh năm 1986;
2. Bị đơn: Anh Mai Văn L – Sinh năm 1986;

Cùng ĐKHKTT: Thôn 2, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. (Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 19/6/2024, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2024 cũng như qua khai báo, nguyên đơn chị Trần Thị H, trình bày: Chị kết hôn với anh Mai Văn L vào năm 2006 là do tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Q. Sau khi cưới vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc cho đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng hay cãi nhau, xô xát lẫn nhau, bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, không quan tâm nhau, hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau. Tình

cảm vợ chồng thật sự không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mai Văn L.

- Về con chung: anh và chị có 2 con chung, tên các cháu là Mai Văn Q, sinh ngày 22/9/2006 và cháu Mai Văn Q1, sinh ngày 17/11/2008. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và của nguyên đơn là đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng Dân sự và đưa ra quan điểm về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị H khởi kiện anh Mai Văn L là loại án: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Anh L có hộ khẩu thường trú tại xã Quảng Hùng, thành phố Sầm Sơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, được tòa án thụ lý theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Mai Văn L đã được thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến tòa án làm việc vào các ngày 29/5 và 05/6 năm 2024, thủ tục triệu tập hợp lệ nhưng anh L không đến Tòa án làm việc, không có lý do của việc vắng mặt; Tòa án tiến hành ra thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tiến hành giao thông báo này đến các đương sự để làm việc vào ngày 14/6/2024 nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do, việc vắng mặt của anh L thuộc trường hợp cố tình trốn tránh. Vì vậy Tòa án quết định đưa vụ án ra xét xử và giao hợp lệ quyết định xét xử, nhưng anh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do; Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh L theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về tình trạng hôn nhân và yêu cầu xin ly hôn:

Chị Trần Thị H và anh Mai Văn L kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Hùng, TP Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, vào năm 2006. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả hai bên anh chị đều đủ tuổi kết

hôn, không vi phạm điều 8 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, như vậy hôn nhân giữa chị H và anh L được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc cho đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã xô xát, không tôn trọng nhau, hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Ngày 11/6/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp của anh chị, cán bộ thôn và chính quyền địa phương cho biết: Mâu thuẫn giữa anh chị địa phương không nắm rõ, chỉ biết hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để anh chị có cơ hội đoàn tụ, cùng nhau nuôi dậy con cái, nếu không được thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh, chị không đáp ứng được với quy định tại khoản 3 Điều 2 về nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình và Điều 19 về tình nghĩa vợ chồng của Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Tình cảm giữa hai anh chị thực sự không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn tới ly thân, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Quá trình giải quyết vụ án, anh L không đến tòa án làm việc nên không thể tiến hành hòa giải để anh chị có cơ hội đoàn tụ như đề nghị của chính quyền địa phương được, nên chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 luật HNGĐ.

- ***Về con chung:*** Anh L và chị H có hai con chung, tên các cháu là Mai Văn Q, sinh ngày 22/9/2006 và cháu Mai Văn Q1, sinh ngày 17/11/2008. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy đề nghị của chị H là phù hợp, hiện tại chị đang có công việc làm và thu nhập, có đạo đức và đủ sức khỏe để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; Quá trình giải quyết vụ án, anh L không đến tòa án làm việc, bỏ mặc với những đề nghị của chị H, vì vậy chấp nhận yêu cầu về người nuôi con và yêu cầu không cấp dưỡng tiền nuôi con chung, của chị H, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3]. Về án phí: Chị H thuộc trường hợp phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng DS và điểm a, khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí toà án.

- Về hôn nhân. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Chị Trần Thị H được ly hôn anh Mai Văn L.

- Về con chung: Các cháu Mai Văn Q, Mai Văn Q1 là con chung của anh L chị H. Giao cả hai cháu Mai Văn Q, Mai Văn Q1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh L được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300 000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai kí hiệu: BLTU/23 số 0004878, ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án DS thành phố Sầm Sơn (chị H đã nộp đủ tiền án phí).

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn; bị đơn,

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết./.

Nơi nhận
- Đương sự;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- UBND phường Q;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Phong